

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép môi trường của Bệnh viện đa khoa khu vực Vĩnh Linh số 16/BVĐK-TCCB ngày 19/01/2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 204/TTr-SNNMT ngày 12/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện đa khoa khu vực Vĩnh Linh, địa chỉ tại thôn Phú Thị, xã Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở: Bệnh viện đa khoa khu vực Vĩnh Linh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện đa khoa khu vực Vĩnh Linh.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Phú Thị, xã Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại Giấy phép số 590/QT-GPHĐ ngày 18/7/2025 của Sở Y tế tỉnh Quảng Trị.

1.4. Mã số thuế: 3200420631.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Cơ sở thuộc lĩnh vực Y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích của Cơ sở: 25.000 m². Trong đó:

+ Các hạng mục công trình chính có diện tích 11.503 m², trong đó: Khu Nhà khoa khám bệnh và khoa liên chuyên khoa tai mũi họng - răng hàm mặt: 1100 m²; Khu nhà xét nghiệm huyết học hóa sinh vi sinh: 620 m²; Khu Nhà khoa ngoại tổng hợp: 840 m²; Khu Nhà hồi sức tích cực chống độc: 840 m²; Khu Nhà khoa dược - vật tư thiết bị: 1.240 m²; Khu Nhà điều trị nội trú khoa y học cổ truyền: 263 m²; Khu Nhà điều trị khoa nhi: 840 m²; Khu Nhà điều trị phẫu thuật: 840 m²; Khu Nhà điều trị nội trú Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản: 832 m²; Khu Nhà khoa kiểm soát nhiễm khuẩn: 250 m²; Khu Nhà điều trị nội trú khoa truyền nhiễm: 750 m²; Khu Nhà khoa giải phẫu bệnh lý và nhà xác: 150 m²; Khu Nhà khoa chuẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng - Nội soi: 778 m²; Khu nhà khoa nội tổng hợp - Tim mạch - Lão khoa: 1.400 m²; Nhà hành chính trung tâm: 760 m².

+ Các hạng mục công trình phụ trợ có diện tích 12.959 m², trong đó: Nhà bảo vệ: 12 m²; Nhà ăn: 180 m²; Nhà giặt là: 145 m²; Nhà để xe máy nhân viên: 300 m²; Gara ô tô: 60 m²; Bể nước phòng cháy chữa cháy: 54 m²; Bể nước: 40 m²; Sân; Nhà bia; hàng rào; Đường bê tông nội bộ, hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải: 4.168 m²; Cây xanh, cảnh quan: 8.000 m².

+ Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường có diện tích 538 m², trong đó: Khu vực xử lý nước thải: 261 m²; Khu nhà xử lý và lưu chứa chất thải: 240 m²; Khu lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: 28 m²; Nhà đốt rác (không hoạt động): 9 m².

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Nhóm B.

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương nhóm III, theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

- Công suất và công năng hoạt động: Bệnh viện hạng II, có quy mô 260 giường bệnh.

- Công nghệ sản xuất: Cơ sở tiếp nhận khám và điều trị bệnh cho người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và vùng lân cận; điều trị nội trú hoặc ngoại trú.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Bệnh viện đa khoa khu vực Vĩnh Linh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Nội dung tại Phụ lục 8, Giấy phép môi trường số 3542/GPMT-UBND của UBND tỉnh, cấp ngày 30/12/2022 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bệnh viện đa khoa khu vực Vĩnh Linh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Hoàng Nam;
- Sở NN&MT;
- Chánh VP, PCVP Nguyễn Cửu;
- UBND xã Vĩnh Linh;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT (Thu).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Cơ sở: Bệnh viện đa khoa khu vực Vĩnh Linh

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 1, Nhà khoa khám bệnh và khoa liên chuyên khoa tai mũi họng - răng hàm mặt.
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 2, Nhà khoa khám bệnh và khoa liên chuyên khoa tai mũi họng - răng hàm mặt.
- Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 3, Nhà khoa khám bệnh và khoa liên chuyên khoa tai mũi họng - răng hàm mặt.
- Nguồn số 4: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 4, Nhà khoa khám bệnh và khoa liên chuyên khoa tai mũi họng - răng hàm mặt.
- Nguồn số 5: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 1, Nhà xét nghiệm huyết học hóa sinh vi sinh.
- Nguồn số 6: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 1, Nhà khoa ngoại tổng hợp
- Nguồn số 7: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 2, Nhà khoa ngoại tổng hợp.
- Nguồn số 8: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 3, Nhà khoa ngoại tổng hợp.
- Nguồn số 9: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 1, Nhà phẫu thuật và cấp cứu.
- Nguồn số 10: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 2, Nhà phẫu thuật và cấp cứu.
- Nguồn số 11: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 1, Nhà khoa dược - vật tư thiết bị.
- Nguồn số 12: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 1, Nhà điều trị nội trú khoa y học cổ truyền.
- Nguồn số 13: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 1, Nhà điều trị khoa nhi.
- Nguồn số 14: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 2, Nhà điều trị khoa nhi.
- Nguồn số 15: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 3, Nhà điều trị khoa nhi.
- Nguồn số 16: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 1, Nhà hồi sức tích cực chống độc.

- Nguồn số 17: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 2, Nhà hồi sức tích cực chống độc.
- Nguồn số 18: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 1, Nhà điều trị nội trú Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- Nguồn số 19: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 2, Nhà điều trị nội trú Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản.
- Nguồn số 20: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 1, Nhà khoa kiểm soát nhiễm khuẩn.
- Nguồn số 21: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 1, Nhà điều trị nội trú khoa truyền nhiễm.
- Nguồn số 22: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 2, Nhà điều trị nội trú khoa truyền nhiễm.
- Nguồn số 23: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 1, Nhà khoa giải phẫu bệnh lý và nhà xác.
- Nguồn số 24: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 1, Nhà khoa chuẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng - Nội soi.
- Nguồn số 25: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 1, Nhà khoa nội tổng hợp - Tim mạch - Lão khoa.
- Nguồn số 26: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh số 1, Nhà hành chính trung tâm.
- Nguồn số 27: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: nước vệ sinh, súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật,... tại Nhà khoa khám bệnh và khoa liên chuyên khoa tai mũi họng - răng hàm mặt.
- Nguồn số 28: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: nước vệ sinh, súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật,... tại Nhà xét nghiệm huyết học hóa sinh vi sinh.
- Nguồn số 29: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: nước vệ sinh, súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật,... tại Nhà khoa ngoại tổng hợp.
- Nguồn số 30: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: nước vệ sinh, súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật,... tại Nhà phẫu thuật và cấp cứu.
- Nguồn số 31: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: nước vệ sinh, súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật,... tại Nhà khoa dược – vật tư thiết bị.
- Nguồn số 32: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: nước vệ sinh, súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật,... tại Nhà điều trị nội trú khoa y học cổ truyền.

- Nguồn số 33: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: nước vệ sinh, súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật,... tại Nhà điều trị khoa nhi.

- Nguồn số 34: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: nước vệ sinh, súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật,... tại Nhà hồi sức tích cực chống độc.

- Nguồn số 35: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: nước vệ sinh, súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật,... tại Nhà điều trị nội trú Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản.

- Nguồn số 36: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: nước vệ sinh, súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật,... tại Nhà khoa kiểm soát nhiễm khuẩn.

- Nguồn số 37: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: nước vệ sinh, súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật,... tại Nhà điều trị nội trú khoa truyền nhiễm.

- Nguồn số 38: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: nước vệ sinh, súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật,... tại Nhà khoa giải phẫu bệnh lý và nhà xác.

- Nguồn số 39: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: nước vệ sinh, súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật,... tại Nhà khoa chuẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng - Nội soi.

- Nguồn số 40: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: nước vệ sinh, súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật,... tại Nhà khoa nội tổng hợp - Tim mạch - Lão khoa.

- Nguồn số 41: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Dòng thải (tương ứng với nguồn số 01 đến nguồn thải số 41): Nước thải của Bệnh viện được thu gom dẫn về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày. Nước thải sau xử lý được dẫn thoát ra mương Cồn cách Cơ sở khoảng 20 m về phía Đông Bắc, thuộc địa bàn thôn Phú Thị, xã Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Cuối cống thoát (bê tông cốt thép D200, sau khi qua hệ thống xử lý nước thải) đổ ra mương Cồn, thuộc địa bàn thôn Phú Thị, xã Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

- Tọa độ: X: 1.888.808m; Y: 607.236m. (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 106⁰, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nguồn số 01 đến nguồn số 41: 100 m³/ngày đêm, tương đương 4,16 m³/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau quá trình xử lý tự chảy theo đường ống bê tông cốt thép D200 dài 20m, có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải và xả vào mương Cồn, cách Cơ sở khoảng 20m về phía Đông Bắc.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, cột B (K=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,8 - 8,5	01 lần/năm	Không áp dụng
2	TSS	mg/l	100		
3	BOD ₅	mg/l	50		
4	COD	mg/l	100		
5	NO ₃ -N	mg/l	50		
6	NH ₄ -N	mg/l	10		
7	PO ₄ -P	mg/l	10		
8	Sunfua	mg/l	4,0		
9	Dầu mỡ	mg/l	20		
10	Tổng hoạt độ α	mBq/l	0,1		
11	Tổng hoạt độ β	mBq/l	1,0		
12	Coliform	MPN/100ml	5.000		
13	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại mỗi khoa, phòng được thu gom theo ống uPVC D110 đổ ra hầm tự hoại xử lý sơ bộ, sau đó theo ống uPVC D150 đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của bệnh viện. Tổng thể tích bể tự hoại 450,8 m³ (27 bể).

- Thoát nước sản, rửa được thu vào ống D65 chảy ra hố ga thu nước thải, sau đó đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của Bệnh viện.

- Đối với nước thải tại khu vực nhà ăn: tại bếp nấu của nhà ăn bố trí thiết bị lọc rác và ngăn tách dầu, nước thải sau khi tách dầu tiếp tục theo tuyến ống uPVC D250 chảy về hố gom chung nước thải của Bệnh viện.

+ Nước thải từ khám chữa bệnh: Toàn bộ nước thải phát sinh từ các khoa khám chữa bệnh được thu gom theo ống uPVC D200 và đầu nối vào ống uPVC D250 (dài khoảng 371m), D355 (dài khoảng 125m), D400 (dài 21m) dẫn về hố gom của hệ thống xử lý nước thải. Tổng chiều dài tuyến thu gom nước thải là 517m và 10 hố ga tách rác. Trong đó:

+ Nước thải phát sinh từ các khoa khám chữa bệnh, từ sinh hoạt của bệnh nhân và người nhà lưu trú được thu gom theo ống uPVC D250, D355, D400 dẫn về hố gom chung của hệ thống xử lý, độ dốc thoát nước thải $I = 2\%$. Để loại bỏ các chất vô cơ kích thước lớn, cát sỏi,... trên đường dẫn nước thải bố trí các song chắn rác và các hố ga.

+ Nước thải từ lò vi sóng xử lý rác thải: Nước thải ngưng tụ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng ống PVC $\Phi 110$, dài 11m.

- Hố gom nước thải: Bố trí 02 hố gom nước thải với Hố bơm 1: kích thước $1,5 \times 1,5 \times 0,2$ m; Hố bơm 2: kích thước $2,1 \times 2,1 \times 0,2$ m và 01 máy bơm nước thải để bơm nước lên hệ thống xử lý, ở mỗi máy bơm có lắp đặt 01 phao điện tử, khi lượng nước thải đầy, các phao điện tử tại mỗi máy bơm sẽ tự động bơm nước lên hệ thống xử lý.

- Hệ thống thoát nước thải sau xử lý: Nước thải sau quá trình xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, cột B ($K=1$) được dẫn theo đường ống bê tông cốt thép D200 dài 20m, có lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng thải và tự chảy ra mương nước (mương Cồn) phía Đông Bắc của Bệnh viện.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sau khi được thu gom từ các nguồn $\square$ Hố gom/tách rác $\square$ Xử lý yếm khí (PST) $\rightarrow$ Bể phản ứng RBC $\rightarrow$ Lắng (FST) $\rightarrow$ Khử trùng bằng Cloramin $\rightarrow$ Mương thoát bê tông cốt thép D200 $\rightarrow$ thoát ra Mương Cồn.

- Công suất thiết kế: $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Kích thước ($L \times B \times H$) của các bể của hệ thống xử lý nước thải:

TT	Công trình	Kích thước (m)	Thể tích (m^3)
1	Hố thu gom nước thải		
-	Hố bơm 1	$1,5 \times 1,5 \times 2,01$	4,52
-	Hố bơm 2	$2,1 \times 2,1 \times 2,96$	13,05
2	Bể yếm khí (PST)	$10 \times 8 \times 3,2$	256
3	Bể phản ứng RBC	$3,55 \times 8,0 \times 2,215$	62,9
4	Bể lắng (FST)	$3,6 \times 3,6 \times 2,91$	37,7

5	Bể chứa bùn	$2,1 \times 2,6 \times 1,7$	9,28
6	Bể khử trùng	$3,0 \times 1,5 \times 1,8$	8,1
7	Nhà điều hành	$3,0 \times 3,0$	-
8	Đồng hồ đo lưu lượng nước thải	-	-

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin với khối lượng khoảng 47,5 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn;
- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; các thiết bị quan trọng phải có dự trù để thay thế khi có sự cố.
- Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý, định kỳ 3 tháng/lần nhằm phát hiện các sự cố để kịp thời điều chỉnh;
- Công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có trình độ chuyên môn và được đào tạo nắm vững kỹ thuật vận hành.
- Khi hệ thống xử lý xảy ra sự cố cam kết sẽ dừng hoạt động xả thải, nước thải trong Bệnh viện được lưu chứa tại hố gom (02 hố với thể tích $17,57 \text{ m}^3$) và bể PST (thể tích 256 m^3), với lưu lượng nước thải phát sinh tính toán theo công suất hệ thống $100 \text{ m}^3/\text{ngày}$, tương ứng khoảng $4,16 \text{ m}^3/\text{h}$. Trong thời gian đó, cơ sở đẩy nhanh các biện pháp sửa chữa, khắc phục sự cố để hệ thống vận hành ổn định, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời điểm bắt đầu: Sau 20 ngày, kể từ ngày được cấp giấy phép môi trường.
- Thời gian kết thúc: tối đa sau 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.
- Trước 10 ngày kể từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm, Chủ Cơ sở sẽ có kế hoạch báo cáo đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để giám sát, kiểm tra theo đúng quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí:

- 01 vị trí đầu vào tại hồ gom chung.

- 01 vị trí đầu ra của hệ thống xử lý nước thải công nghệ RBC, công suất 100 m³/ngày đêm (*vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*)

2.2.2. *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:*

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.3. **Tần suất lấy mẫu:**

Quan trắc ít nhất 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

3. **Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước thải đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Thực hiện lộ trình áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT từ ngày 01 tháng 01 năm 2032: nước thải của Cơ sở sẽ áp dụng theo QCVN 40:2025/BTNMT (cột B, Bảng 2) thay thế QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Cơ sở: Bệnh viện đa khoa khu vực Vĩnh Linh

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI: không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

a. Giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện giao thông ra vào Bệnh viện:

- Thực hiện vệ sinh khuôn viên của Bệnh viện để hạn chế việc phát tán bụi do gió.

- Sân bãi, đường liên thông nội bộ được xây bằng bê tông hoặc rải nhựa nên sẽ giảm thiểu được bụi do phương tiện gây ra.

- Treo bảng quy định hạn chế tốc độ của phương tiện ra vào khu vực tại các cổng ra vào, nơi gửi xe, đỗ xe. Xe gắn máy phải tắt máy khi ra vào gửi xe.

- Bố trí hệ thống cây xanh, thảm cỏ tạo cảnh quan đảm bảo sự cách ly, thông thoáng giữa các khoa trong Bệnh viện và trong khu vực. Cây xanh được trồng xung quanh tường rào là cây keo lá tràm; giữa các khối nhà chính và lối đi dạo, bố trí cây cảnh, thảm cỏ, bồn hoa.

b. Giảm thiểu tác động của tia phóng xạ từ hoạt động ở phòng chụp X.Quang:

- Thiết kế phòng chụp X.Quang đủ rộng, đảm bảo kích thước phòng tiêu chuẩn, đúng quy định;

- Đối nhân viên khu vực có bị tác động bức xạ (bộ phận chiếu, chụp X.quang):

+ Tổ chức khám sức khỏe khi tuyển dụng nhân viên.

+ Tổ chức theo dõi sức khỏe nhân viên, khám sức khỏe theo quy định của Bộ Y tế cho nhân viên định kỳ 6 tháng 1 lần.

+ Trang bị phương tiện bảo hộ, quần áo cản xạ, trang bị liều kế cá nhân cho nhân viên và bắt buộc nhân viên sử dụng các trang bị đó khi tiến hành công việc.

+ Tăng cường công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho các cán bộ làm công tác tại phòng chụp X-Quang, khu xạ trị. Các cán bộ khi thực hiện công tác chụp phim phải mang đầy đủ bảo hộ lao động.

+ Hàng tháng đo mức xạ của các tia X để có biện pháp phòng ngừa và xử lý.

- Đối với hoạt động chụp phim áp dụng hiện nay tại Cơ sở sử dụng các máy chụp hình ảnh X-Quang kỹ thuật số nên không làm phát sinh nước thải.

c. Giảm thiểu ô nhiễm do máy phát điện dự phòng: Máy phát điện được đặt ở tầng hầm, trong phòng kín, bao bọc bằng tường kiên cố và vật liệu cách âm TONMAT.

d. Đối với các khí sinh ra từ các phòng xét nghiệm sinh hoá, phòng huyết học, phòng vi sinh, trong quá trình các phản ứng hoá học: lắp đặt tủ hút khí độc HOTTE.

đ. Xử lý mùi và khí thải tại khu vực bếp của nhà ăn: Nhà ăn bố trí các cửa sổ thông thoáng; Khu vực nhà bếp bố trí hệ thống quạt hút; Hàng ngày nhân viên nhà bếp vệ sinh sạch sẽ khu vực đảm bảo vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm và môi trường xung quanh.

e. Xử lý mùi và khí thải từ hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn: Thường xuyên vệ sinh khu vực hệ thống xử lý nước thải; Vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo (các bể xử lý yếm khí, hiếu khí) tránh phát sinh mùi ảnh hưởng đến xung quanh; chất thải rắn sinh hoạt và y tế tại Cơ sở được thu gom và đưa đi xử lý theo đúng quy định. Sử dụng các chế phẩm sinh học (EM) khử mùi tại khu vực tập kết rác thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của Cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định pháp luật.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất (nếu có) để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải, mùi.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Cơ sở: Bệnh viện đa khoa khu vực Vĩnh Linh

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG: Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy móc được bảo trì bảo dưỡng đúng định kỳ để hạn chế phát sinh tiếng ồn vượt mức cho phép.

- Quy định tốc độ lưu thông của các loại xe; quy định hạn chế bóp còi xe trong khuôn viên Bệnh viện.

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ hệ thống xử lý chất thải:

+ Thường xuyên, định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị hệ thống.

+ Vị trí các khu vực hệ thống xử lý được bố trí tách biệt với các khu vực văn phòng, phòng khoa khám chữa bệnh và các buồng lưu bệnh.

+ Đối với cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải được trang bị đồ bảo hộ lao động.

- Đối với máy móc phát sinh tiếng ồn như: máy phát điện, hệ thống bơm,... biện pháp giảm thiểu như sau:

+ Lắp đặt máy móc đúng quy cách.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho nhân viên trong quá trình làm việc tại các vị trí có mức ồn và độ rung quá lớn; bố trí thời gian làm việc hợp lý.

+ Sử dụng vật liệu làm giảm độ rung như: lót đế cao su dưới các máy phát điện.

+ Đặt máy cách xa các khu vực văn phòng, phòng khoa khám chữa bệnh và các buồng lưu bệnh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định của pháp luật.

2.2. Chịu trách nhiệm chính trong quản lý các nguồn tiếng ồn, độ rung trong phạm vi Cơ sở.

2.3. Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và QCVN 24:2016/BYT, QCVN 27:2016/BYT.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
Cơ sở: Bệnh viện đa khoa khu vực Vĩnh Linh

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng		9.997
-	<i>Chất thải lây nhiễm sắc nhọn</i>	<i>Rắn</i>	<i>18 01 03</i>	
-	<i>Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn</i>	<i>Rắn/lỏng</i>	<i>18 01 03</i>	
-	<i>Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao</i>	<i>Rắn/lỏng</i>	<i>18 01 03</i>	
-	<i>Chất thải giải phẫu</i>	<i>Rắn/lỏng</i>	<i>18 01 03</i>	
2	Chất thải nguy hại không lây nhiễm			
-	<i>Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng</i>	<i>Rắn/lỏng</i>	<i>18 01 06</i>	
-	<i>Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất</i>	<i>Rắn/lỏng</i>	<i>18 01 08</i>	
-	<i>Vỏ chai lọ đựng thuốc hoặc hóa chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất</i>	<i>Rắn/lỏng</i>	<i>18 01 07</i>	
-	<i>Thiết bị y tế vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi</i>	<i>Rắn/lỏng</i>	<i>-</i>	
3	Chất thải nguy hại khác (Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải)	Rắn	13 01 06	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng trung bình (kg/năm)
1	Bao bì (đã chứa chất khi thải ra không phải là chất thải nguy hại) thải bằng vật liệu khác	Rắn	18 01 11	59.864
2	Sản phẩm vô cơ (không có các thành phần nguy hại)	Rắn/bùn	19 03 03	
3	Sản phẩm hữu cơ (không có các thành phần nguy hại)	Rắn/bùn	19 03 04	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- **Chủng loại:** Chủ yếu là thực phẩm (vỏ rau, củ quả...), thức ăn dư thừa, túi nilon, chai lọ, giấy lau.
- **Khối lượng:** khoảng 40.000 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại trong Bệnh viện được thu gom đúng quy định theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 20/2021/BYT của Bộ Y tế; Quy định của UBND tỉnh Quảng Trị về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại và chất thải rắn y tế thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và quy định hiện hành. Bệnh viện đã áp dụng các biện pháp thu gom như sau:

- **Thiết bị lưu chứa:** 5 - 7 thùng lưu chứa rác loại 120L, 240L kín để thu gom và lưu giữ chất thải nguy hại; 02 tủ cấp đông có nhãn dán, ký hiệu chất thải nguy hại.
- **Kho/khu vực lưu chứa chất thải nguy hại:** Kho có diện tích 165 m², nhà nền xi măng, có mái che. Bên ngoài kho chứa chất thải nguy hại bố trí các biển báo khu vực nguy hiểm không cho người ngoài ra vào khu vực.
- **Hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường Sông Công,** có địa chỉ tại thôn Tân Mỹ 2, phường Bách Quang, tỉnh Thái Nguyên - Mã số quản lý chất thải nguy hại: 1-2-3-4-5-6.134.VX để vận chuyển và đưa đi xử lý; tần suất 01 tuần/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- **Thiết bị lưu chứa:** bố trí 14 thùng rác loại 25L; 28 thùng rác loại 120L tại các khoa, phòng bệnh.
- **Kho, khu vực lưu chứa:** Kho chứa chất thải rắn diện tích 28 m².
- **Hợp đồng hợp đồng với Trung tâm Môi trường - Công trình đô thị xã Vĩnh Linh** thu gom và đưa đi xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- **Thiết bị lưu chứa:** bố trí 15 thùng rác loại 120L và 240L để tiến hành thu gom.
- **Kho lưu chứa:** Kho chứa chất thải rắn diện tích 28 m².
- **Hợp đồng hợp đồng với Trung tâm Môi trường - Công trình đô thị xã Vĩnh Linh** thu gom và đưa đi xử lý.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

3.1. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý chất thải nguy hại

Cơ sở có công trình tự xử lý chất thải y tế cho Bệnh viện và các cơ sở y tế trên địa bàn theo mô hình cụm tại Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại và chất thải rắn y tế thông thường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

- Loại chất thải tự xử lý: chất thải y tế lây nhiễm, chất thải có nguy cơ lây nhiễm, rác y tế nguy hại (không bao gồm kim tiêm, chai lọ thủy tinh và chất thải giải phẫu).

- Khối lượng:

- + Chất thải y tế nguy hại phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh của Bệnh viện là 3.416 kg/năm kg/năm, tương ứng 9,35 kg/ngày.

- + Chất thải y tế nguy hại thu gom, xử lý cho các cơ sở trên địa bàn theo mô hình Cụm là 661,3 kg/năm, tương ứng 1,81 kg/ngày.

- Quy trình xử lý: Bỏ chất thải vào khoang xử lý → Khóa nắp khoang; Ấn nút bắt đầu chu trình → Cắt chất thải → Chiếu vi sóng tăng nhiệt và diệt khuẩn → Nghiền chất thải → Khi nhiệt độ đạt $\geq 100^{\circ}\text{C}$ duy trì trong 20 phút, tiếp tục chiếu vi sóng → Xả chất thải đã xử lý vào thùng chứa, kết thúc chu trình xử lý.

Công nghệ: được xử lý bằng công nghệ lò vi sóng tích hợp nghiền, cắt và khử khuẩn (Sterilwave 250), được đầu tư năm 2015 với công suất xử lý 20-25kg/mẻ, thời gian xử nhanh 45 phút/mẻ và có thể xử lý tối đa 175kg/ngày và không làm phát sinh khí thải ra bên ngoài môi trường. Rác sau xử lý là rác thải thông thường được xử lý cùng với rác thải sinh hoạt.

- Tần suất xử lý: (02 ngày/lần) khi khối lượng chất thải y tế đạt 20kg trở lên. Chất thải y tế lây nhiễm lưu giữ tại Cơ sở được bảo quản trong thiết bị lạnh ở nhiệt độ dưới 8°C , thời gian lưu giữ tối đa không quá 07 ngày theo quy định tại Khoản 3, Điều 8 của Thông tư số 20/2021/TT-BYT.

- + Quá trình xử lý diệt trùng, xử lý triệt để vi khuẩn, không phát tán các chất truyền nhiễm ra môi trường.

- + Quá trình hoạt động của thiết bị diễn ra tự động, chỉ cần 01 người vận hành.

3.2. Hệ thống, công trình, thiết bị tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: không

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Đối với sự cố cháy nổ

- Công trình cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Linh được Phòng cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ, Công an tỉnh Quảng Trị Chứng nhận thẩm duyệt về PCCC tại Giấy chứng nhận số 632/TD-PCCC ngày 10/11/2015; Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh - hạng mục Khoa chuẩn đoán hình ảnh, Khoa truyền nhiễm được Phòng cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ, Công an tỉnh Quảng Trị Chứng nhận thẩm duyệt về PCCC tại Giấy chứng nhận số 222/TD-PCCC ngày 10/8/2021.

- Cơ sở đã thành lập đội PCCC tại Quyết định số 562/QĐ-BVĐKVL ngày 21/10/2025 của Bệnh viện đa khoa khu vực Vĩnh Linh gồm 25 người.

- Cơ sở đã thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy chữa cháy tại Quyết định số 563/QĐ-BVĐKVL ngày 21/10/2025 của Bệnh viện đa khoa khu vực Vĩnh Linh.

- Việc phòng chống cháy nổ được thực hiện:

- + Tại chỗ: Các thiết bị PCCC như hệ thống báo cháy tự động, các đầu cảm biến nhiệt, các bình chữa cháy CO₂, bình chữa cháy bột MFZ được bố trí bên trong khu vực nhà vận hành, trạm biến áp. Xây dựng bể chứa cấp nước, hệ thống đường ống và các tủ cấp nước phục vụ chữa cháy.

- + Lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp: trong trường hợp cần thiết, có thể huy động thêm lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp tại địa phương để hỗ trợ.

- Việc thiết kế, lắp đặt, đấu nối vào lưới điện quốc gia sẽ tuân thủ theo các quy định về an toàn điện.

- Lắp đặt hệ thống chống sét, thu sét, tuân theo các yêu cầu kỹ thuật nhằm hạn chế ở mức thấp nhất thiệt hại do sét gây ra, đảm bảo sự an toàn của công trình về lâu dài.

2. Sự cố đối với hệ thống xử lý rác thải – lò vi sóng tích hợp nghiên, cắt và khử khuẩn Sterilwave

- Đảm bảo hệ thống xử lý vận hành đúng quy định.

- Các chất thải trước khi đưa vào lò xử lý được phân loại.

- Tăng cường công tác tập huấn kiến thức về công nghệ vi sóng Sterilwave cho nhân viên vận hành.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống xử lý (khoảng 06 tháng/lần) hoặc khi hệ thống xử lý gặp sự cố đột ngột.

- Trong trường hợp hệ thống xử lý gặp sự cố hư hỏng cần sửa chữa, cơ sở thực hiện các biện pháp như sau:

- + Rác thải y tế được phân loại và lưu giữ vào các kho chứa theo quy định;

- + Trong thời gian không quá 07 ngày (đối với chất lây nhiễm được bảo quản ở thiết bị tủ đông lạnh dưới 8°C theo quy định) được hợp đồng với đơn vị có năng lực Công ty TNHH Sông Công đưa đi xử lý;

- + Sau khi khắc phục và đảm bảo hệ thống vận hành ổn định tiếp tục đưa vào xử lý.

3. Giảm thiểu sự cố an toàn bức xạ, phòng chống rò rỉ bức xạ

- Đối với các khoa chẩn đoán hình ảnh, có sử dụng các loại máy móc chiếu xạ (Khu X - Quang, Khu siêu âm) sẽ áp dụng các biện pháp an toàn bức xạ theo quy định của Luật Năng lượng Nguyên tử và các quy định liên quan để giảm thiểu tối đa rò rỉ bức xạ.

- Thực hiện các thủ tục khai báo, cấp giấy phép hoạt động cho các thiết bị X- Quang y tế; Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố an toàn bức xạ của Bệnh viện theo quy định.

- Phòng lắp đặt máy X-Quang được Cơ sở xây dựng, trang bị các thiết bị đảm bảo an toàn phóng xạ cho môi trường làm việc, cũng như môi trường xung quanh;

- Trang bị bảo hộ lao động cá nhân cần thiết cho các y bác sĩ làm việc trực tiếp với nguồn bức xạ và bắt buộc việc tuân thủ thực hiện;

- Thực hiện biện pháp để phòng chống rò rỉ tia bức xạ theo quy định như: lựa vị trí và thiết kế phòng đặt thiết bị bức xạ phù hợp; lắp đặt tín hiệu cảnh báo nguy hiểm.

- Yêu cầu đối với nhân viên vận hành:

- + Tuyển dụng các kỹ thuật viên vận hành có trình độ chuyên môn.

- + Tuân thủ an toàn lao động;

- + Kiểm tra an toàn nguồn trước khi vận hành và sau khi xong công việc.

- + Đóng cửa ra vào trong suốt quá trình vận hành máy; tuân thủ các quy trình vận hành máy.

- + Chú ý những tín hiệu bất thường của các loại thiết bị để kịp thời phát hiện sự cố, ngăn ngừa tai nạn.

- + Không được tháo bỏ các bộ phận đang có hư hỏng trong hệ thống bảo vệ chiều sâu để vận hành trực tiếp bằng tay.

- + Lưu trữ số liệu vận hành.

- + Thông báo ngay lập tức cho người quản lý cơ sở bức xạ hoặc người phụ trách an toàn bức xạ nếu phát hiện mất nguồn phóng xạ, khả năng có thể xảy ra sự cố bức xạ. Trong phạm vi trách nhiệm của mình phải tham gia khắc phục sự cố bức xạ./.